Những vấn đề đặt ra trong quá trình đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào phục vụ phát triển kinh tế nhanh và bền vững ở Việt Nam hiện nay

PGS, TS PHẠM MINH SƠN
Học viện Báo chí và Tuyên truyền;
Email: sonloanthu@yahoo.com

PGS, TS BÙI THỊ KIM HẬU
Học viện Báo chí và Tuyên truyền;
Email: buithikimhau@yahoo.com.vn

Nhận ngày 15 tháng 2 năm 2022; chấp nhận đăng tháng 03 năm 2022.

Tóm tắt: *Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào phục vụ phát triển kinh tế nhanh và bền vững ở Việt Nam đã và đang là xu hướng và nhiệm vụ cơ bản ở Việt Nam trong những thập niên từ cuối thế kỷ XX đến nay, nhất là trong bối cảnh cuộc Cách mạng 4.0 đang phát triển và tác động mạnh mẽ đến đời sống nhân loại. Thành tựu bước đầu và những hạn chế không thể tránh khỏi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đó đang đặt ra một loạt vấn đề cần giải quyết ở Việt Nam hiện nay.*
Từ khóa: *Nghiên cứu; chuyển giao; ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ; đổi mới sáng tạo; phát triển kinh tế nhanh và bền vững.*

Abstract: *Promoting research, transfer, application of scientific technological advances and innovations for rapid and sustainable economic development has been a fundamental task in Vietnam since the late twentieth century, especially when the Industrial Revolution 4.0 is occurring and significantly affecting human life. The initial achievements and inevitable limitations while implementing that task are posing a series of issues to be solved in Vietnam today.*
Keywords: *Research; transfer and application of scientific technological advances; innovations; rapid and sustainable economic development.*

Theo Báo cáo của Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) công bố 20.9.2021, chỉ số GII (Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu - Global Innovation Index - GII) của Việt Nam xếp thứ 44 trên 132 quốc gia và nền kinh tế, đứng thứ 2 trong khu vực ASEAN (sau Thái Lan ở vị trí 43)(1). Thống kê 10 năm qua cho thấy, chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) của Việt Nam liên tục được cải thiện. Riêng năm 2020, có gần 40 nền tảng chuyển đổi số quốc gia ra đời, đưa Việt Nam là nhóm quốc gia dẫn đầu trong chuyển đổi số thời COVID-19. Việt Nam đã thành lập mạng lưới đổi mới sáng tạo Việt Nam, quy tụ các chuyên gia, nhà khoa học là người Việt Nam trên thế giới để cùng góp sức với các cơ sở nghiên cứu, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; các chuyên gia trong nước thúc đẩy nghiên cứu khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo. Đến nay, mạng lưới đã có hơn 1.000 thành viên và thiết lập 5 văn phòng tại Mỹ, Nhật Bản, Australia, Đức(2). Đại hội XIII của Đảng cũng đã nhấn mạnh: "Giáo dục và đào tạo có bước đổi mới, đóng góp tích cực vào xây dựng con người, phát triển nguồn nhân lực. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Nhiều công trình kết cấu hạ tầng hiện đại được xây dựng, đưa vào sử dụng"(3).

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đó, quá trình nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế nhanh và bền vững ở Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế cần khắc phục. Đại hội XIII của Đảng cũng đã lưu ý: "Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa thực sự là động lực để nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Năng suất lao động vẫn thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực và khoảng cách chênh lệch này vẫn tiếp tục gia tăng"[4]. Trước những yêu cầu mới của công cuộc đổi mới đất nước nói chung và của quá trình phát triển kinh tế nhanh và bền vững nói riêng, nhiều vấn đề đang đặt ra ngày càng cấp bách cần tập trung giải quyết về mặt chủ thể, nội dung và phương thức đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở Việt Nam hiện nay.

1. Đối với chủ thể đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế nhanh và bền vững ở Việt Nam

Hiện nay quá trình đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế nhanh và bền vững đang đặt ra nhiều vấn đề cấp bách đối với các chủ thể hoạt động khoa học và công nghệ ở nước ta.

Một là, việc phát huy vai trò, năng lực, sự chủ động, tích cực của các chủ thể khoa học và công nghệ trong điều kiện đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở Việt Nam hiện nay đang còn những hạn chế, bất cập và chưa đáp ứng được những yêu cầu cao của phát triển kinh tế nhanh và bền vững.

Thực tế những năm qua đã cho thấy, cá nhân các nhà khoa học, nhóm các nhà khoa học, các tổ chức khoa học và công nghệ, các trung tâm nghiên cứu khoa học và công nghệ, các viện nghiên cứu, trường đại học, các doanh nghiệp khoa học và công nghệ, các hiệp hội khoa học và công nghệ... vẫn chưa phát huy hết khả năng, năng lực chuyên môn cho nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; chưa tận dụng được những tiềm lực, thế mạnh sẵn có, chưa khai thác hết nguồn lực đã được đầu tư. Các chủ thể khoa học và công nghệ nước ta còn khá thụ động; chưa mạnh dạn thực hiện những nhiệm vụ khoa học trong khả năng cho phép, còn trông chờ vào sự phân bổ các đề tài, nhiệm vụ theo kế hoạch của cơ quan nhà nước và chủ yếu vẫn thực hiện những đề tài theo lối mòn cũ, lặp lại, ứng dụng là chính; chưa có sự bứt phá mạnh mẽ để hướng tới làm chủ những công nghệ nguồn; chưa có những đề tài mang tính vượt trước, dẫn dắt, định hướng. Điều đó đã gây lãng phí nguồn lực khoa học quý giá của đất nước. Do đó, vấn đề cấp thiết đang đặt ra không chỉ với bản thân các chủ thể khoa học và công nghệ cần đổi mới, sáng tạo mà còn đối với các cấp, các ngành có liên quan. Đảng, Chính phủ, các bộ, ban, ngành,... cần phải quan tâm sâu sắc đến việc ban hành chủ trương, chính sách, cơ chế, thể chế để tạo môi trường thuận lợi, giải phóng nguồn lực khoa học và công nghệ nước nhà, nhất là phát huy vai trò trung tâm, động lực của các chủ thể khoa học và công nghệ Việt Nam, góp phần tăng tốc phát triển kinh tế - xã hội và đưa kinh tế nước ta phát triển nhanh và bền vững, nâng cao đời sống nhân dân.

Hai là, sự phối hợp giữa các chủ thể khoa học và công nghệ với các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đang đòi hỏi phải có sự liên kết, phối hợp chặt chẽ và có hiệu quả trong toàn hệ thống quản lý khoa học và công nghệ từ Trung ương đến địa phương với các chủ thể hoạt động khoa học và công nghệ.

Tình hình đó đòi hỏi cấp bách phải có biện pháp phù hợp để giải quyết tốt mối quan hệ giữa cơ quan Nhà nước và các chủ thể khoa học và công nghệ ở nước ta hiện nay. Việc này nên được xem xét từ sự phân chia quyền và nhiệm vụ giữa các bên, trong đó cần phải làm rõ chức năng quản lý vĩ mô của cơ quan nhà nước về khoa học và công nghệ nhưng đồng thời vẫn tăng khả năng tự chủ cho các chủ thể khoa học và công nghệ, nhằm

giải phóng năng lực tiềm tàng của cơ sở. Quyền được tự chủ cao hơn, được tham gia nhiều hơn sẽ là cơ sở để xây dựng ý thức trách nhiệm của các chủ thể khoa học và công nghệ, cũng như các phương thức giám sát nhằm giảm thiểu tính cơ hội, tệ tham nhũng và chi tiêu kém hiệu quả.

Ba là, việc đặt hàng của Nhà nước cho các chủ thể khoa học và công nghệ trong một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng tâm, trọng điểm đang trở thành vấn đề rất cấp thiết cho sự phát triển của khoa học và công nghệ Việt Nam hiện nay.

Trong thời gian qua, việc Nhà nước đặt hàng nghiên cứu cho các chủ thể khoa học và công nghệ còn nhiều hạn chế. Một trong những nguyên nhân của hạn chế đó là, cơ chế tài chính mang nặng tính hành chính, bao cấp. Đó chính là nút thắt, là rào cản khiến cho khoa học và công nghệ vẫn chưa thể cất cánh. Nút thắt này chỉ có thể được tháo gỡ bằng việc thực hiện chính sách khoán chi tới sản phẩm cuối cùng, tức Nhà nước "đặt mua" kết quả nghiên cứu của nhà khoa học theo giá thỏa thuận. Đồng thời, việc đặt hàng của Nhà nước đối với các chủ thể khoa học và công nghệ phải nằm trong chủ trương, chính sách chung của sự phát triển đất nước, phải có trọng tâm, trọng điểm, phải bám sát vào 6 nhiệm vụ trọng tâm và 3 đột phá chiến lược mà Đại hội XIII của Đảng đã nêu ra để đưa chủ trương, đường lối của Đảng vào thực tiễn đời sống, nhất là đưa khoa học và công nghệ trở thành động lực phát triển, góp phần đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững. Trong bối cảnh dịch Covid-19 hiện nay, Nhà nước cần có các chính sách và tạo điều kiện để các chủ thể khoa học và công nghệ tập trung vào việc triển khai nghiên cứu, ứng dụng công nghệ phòng, chống dịch Covid-19, trong đó lưu ý hỗ trợ hoạt động nghiên cứu phục vụ sản xuất vácxin và thuốc chữa Covid-19; nghiên cứu phục vụ phát triển kinh tế nhanh và bền vững.

Bốn là, công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực để nâng cao hơn nữa năng lực cho các chủ thể khoa học và công nghệ ở nước ta đã, đang và tiếp tục là vấn đề quan trọng của quá trình phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo hiện nay.

Có thể nhận thấy rằng phần lớn các cơ sở nghiên cứu và các tổ chức khoa học và công nghệ nước ta hiện nay vẫn đang thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, đẳng cấp quốc tế đáp ứng quá trình đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào phục vụ phát triển kinh tế nhanh và bền vững. Để giải quyết vấn đề này, nhiệm vụ của chúng ta trong thời gian tới là phải đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ; tiếp tục chương trình đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ trình độ cao thuộc các lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm, đặc biệt là công nghệ 4.0, công nghệ số ở các nước có nền khoa học và công nghệ tiên tiến và tăng cường đào tạo sau đại học ở trong nước; khuyến khích khu vực tư nhân và các doanh nghiệp tham gia đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ, ưu đãi về thuế dành cho đầu tư của tư nhân và doanh nghiệp tham gia đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ, tôn vinh cán bộ, nhân viên của doanh nghiệp tham gia đào tạo nhân lực; tăng cường liên kết quốc tế trong đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ; mở rộng cấp học bổng cho sinh viên và nghiên cứu sinh là người nước ngoài; có chính sách cử cán bộ khoa học Việt Nam đi làm việc, học tập tại các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp ở nước ngoài; có chính sách thu hút và sử dụng nhân lực khoa học và công nghệ, phát triển mạng lưới kết nối nhân tài người Việt Nam, thu hút sự tham gia đóng góp của cộng đồng các nhà khoa học người Việt Nam ở nước ngoài;…

2. Đối với nội dung đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế nhanh và bền vững ở Việt Nam

Hiện nay, việc xác định và triển khai thực hiện nội dung đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế nhanh và bền vững ở Việt Nam đang đặt ra nhiều vấn đề cấp bách cần tập trung giải quyết.

Một là, vấn đề đặt ra rất cấp thiết trong đẩy

mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế nhanh và bền vững ở Việt Nam hiện nay là các nội dung nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ phải bám sát những định hướng, chủ trương lớn của Đảng đã nêu ra tại Đại hội XIII .

Thực tiễn đang đặt ra yêu cầu to lớn về nội dung nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế nhanh và bền vững ở Việt Nam và đòi hỏi việc đổi mới nội dung đó phải bám sát vào những định hướng, chủ trương lớn của Đảng đã nêu ra tại Đại hội XIII đó là: "Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo nhằm tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế"(5); "Xác định rõ các chỉ tiêu, chương trình hành động để ứng dụng và phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong mọi hoạt động ở các cấp, các ngành, địa phương"(6). Cùng với đó, trong Văn kiện Đại hội XIII cũng nêu ra những nội dung trong phát triển các ngành, các lĩnh vực như khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, kỹ thuật,... Những nội dung cơ bản của đổi mới sáng tạo, phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ ở nước ta hiện nay được xác định là công nghệ cao, công nghệ nguồn, tiên tiến, hiện đại, có tính vượt trước, định hướng, dẫn dắt, đồng thời phải mang tính trọng tâm, trọng điểm, mũi nhọn. Đây là nhân tố cơ bản nhất để chúng ta thực hiện quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa theo hướng hiện đại, gắn với xây dựng quốc gia khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp, thúc đẩy phát triển nhanh - bền vững đất nước. Đây cũng là nhân tố có vai trò nền tảng để đất nước không rơi vào "bẫy thu nhập trung bình" là nhân tố quan trọng để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; phải cụ thể hóa bằng các cơ chế, chính sách cụ thể đối với sự phát triển của đất nước.

Hai là, nội dung đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế nhanh và bền vững ở Việt Nam hiện nay phải gắn với nội dung và yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0).

Khoa học và công nghệ với vai trò to lớn vừa là công cụ, động lực, vừa là cơ sở, nền tảng để phát triển nền kinh tế tri thức, nhưng đồng thời cũng là đối tượng chịu tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0. Do đó, trong quá trình phát triển khoa học và công nghệ của nước ta hiện nay cần phải gắn với những nội dung và yêu cầu của Cách mạng công nghiệp 4.0. Đồng thời cần phải ưu tiên nguồn lực cho triển khai một số chương trình nghiên cứu trọng điểm quốc gia về các công nghệ ưu tiên, trọng tâm là: Công nghệ thông tin và truyền thông, cơ điện tử, công nghệ mới trong lĩnh vực năng lượng, trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, điện tử,…

Ở Việt Nam, cần tận dụng có hiệu quả các cơ hội do cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đem lại để thúc đẩy quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với thực hiện các đột phá chiến lược và hiện đại hoá đất nước; phát triển mạnh mẽ kinh tế số; phát triển nhanh và bền vững dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhân lực chất lượng cao; nâng cao chất lượng cuộc sống, phúc lợi của người dân; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường sinh thái;...

Ba là, giải quyết mối quan hệ giữa phát triển bao trùm (toàn diện) các lĩnh vực khoa học và công nghệ với ưu tiên đầu tư phát triển các lĩnh vực khoa học và công nghệ mũi nhọn, trọng điểm đang trở thành yêu cầu cấp bách hiện nay của quá trình đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế nhanh và bền vững ở Việt Nam.

Đây là nội dung lớn và cũng là vấn đề quan trọng đặt ra cần phải giải quyết. Quan điểm phát triển bao trùm tất cả các lĩnh vực khoa học và công nghệ và chú trọng phát triển các lĩnh vực khoa học và công nghệ trọng điểm thực ra đã được Đảng ta nêu ra từ nhiều năm trước. Tuy nhiên, quá trình

triển khai thực hiện còn nhiều hạn chế, yếu kém, trong đó việc đầu tư dàn trải, manh mún đã làm phân tán các nguồn lực cho phát triển khoa học và công nghệ, chưa tạo ra động lực mạnh mẽ để khoa học và công nghệ nước ta phát triển mang tính đột phá như mong muốn.

Vì vậy, để thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021 - 2030, chúng ta cần tập trung xác định và thực hiện một số dự án, chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia lớn nhằm giải quyết những vấn đề đặc biệt quan trọng trong dài hạn để phát triển đất nước. Đồng thời phải xác định và thực hiện một số chương trình khoa học và công nghệ quốc gia phát triển công nghệ mới trong một số lĩnh vực trọng điểm, có thế mạnh và có tiềm năng như: các chương trình khoa học và công nghệ quốc gia phục vụ các ngành công nghiệp nền tảng đáp ứng nhu cầu về tư liệu sản xuất cơ bản của nền kinh tế như công nghiệp năng lượng, cơ khí chế tạo, luyện kim, hóa chất, vật liệu; chương trình khoa học và công nghệ quốc gia về chuyển đổi mô hình phát triển kinh tế trong bối cảnh mới nhằm nghiên cứu dự báo cung cấp cơ sở, luận chứng cho lãnh đạo Đảng, Nhà nước, bộ, ngành, địa phương triển khai các chính sách và phân bổ nguồn lực nhằm tái cơ cấu kinh tế dựa trên đổi mới sáng tạo; các chương trình khoa học và công nghệ quốc gia phát triển công nghiệp quốc phòng theo hướng lưỡng dụng; các chương trình khoa học và công nghệ quốc gia đối với một số lĩnh vực khoa học và công nghệ hướng tới trình độ quốc tế; …

3. Đối với phương thức đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế nhanh và bền vững ở Việt Nam

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, quá trình đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào phục vụ phát triển kinh tế nhanh và bền vững ở Việt Nam cũng đang nảy sinh những mâu thuẫn và bất cập cần giải quyết.

Một là, hiện nay ở Việt Nam việc phê duyệt, phân bổ, giao khoán các chương trình, đề án, nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp vẫn còn nặng tính hành chính, chưa thoát khỏi cơ chế xin cho, chưa tuân theo cơ chế thị trường khoa học và công nghệ, chưa thực chất, vẫn bị chi phối bởi các nhóm lợi ích và do đó đã tạo ra nhiều bất cập cho quá trình xây dựng và thực hiện các đề án, các chương trình đó.

Tình hình đó đặt ra yêu cầu cần phải tìm ra những biện pháp để tháo gỡ nút thắt và khó khăn đang cản trở sự phát triển của khoa học và công nghệ. Do đó, để thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021 - 2030, cần phải đổi mới phương thức phân bổ các chương trình khoa học và công nghệ quốc gia mà trước hết là đổi mới cơ chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, phân bổ nguồn lực dựa trên hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ, đảm bảo nguyên lý thị trường, khoa học và công nghệ đổi mới sáng tạo. Để giải quyết hiệu quả vấn đề này cần phải siết chặt kỷ cương, tăng cường kiểm tra giám sát, phải tổ chức đối thoại giữa các chủ thể khoa học và công nghệ và các cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, mà trước hết là việc đăng ký, xét duyệt, nghiên cứu và nghiệm thu, quyết toán chương trình, đề án, đề tài cần khách quan, công khai, minh bạch.

Hai là, việc chuyển giao kết quả nghiên cứu và đổi mới sáng tạo tuy đã đạt được một số thành công nhưng trên thực tế, phương thức chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ của các chủ thể khoa học và công nghệ vào đời sống vẫn mang tính tự phát của cá nhân các nhà khoa học hoặc theo kế hoạch của các bộ, ngành, địa phương mà chưa xuất phát từ nhu cầu thật sự của thị trường khoa học và công nghệ, do đó làm hạn chế tính chủ động, tính cạnh tranh của các sản phẩm khoa học và công nghệ.

Vấn đề đặt ra là cần phải tìm hiểu những nguyên nhân dẫn tới những hạn chế trong việc chuyển giao và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống như: chưa xác định được nhu cầu của thị trường, chất lượng nghiên cứu của các nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường, các nhà khoa

học; nhà quản lý chưa thật sự quan tâm tới việc chuyển giao kết quả nghiên cứu vào đời sống; cơ chế hỗ trợ chuyển giao kết quả nghiên cứu còn nhiều bất cập, đặc biệt là cơ chế tài chính còn phức tạp,… Để khắc phục những hạn chế đó, cần đưa ra các giải pháp đồng bộ, hợp lý nhằm phát triển toàn diện, đồng bộ và hiệu quả các chủ thể, các mối liên kết của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia ngành, hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, vùng và địa phương, trong đó các doanh nghiệp là trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, nơi tiếp nhận, tạo ra và ứng dụng các tri thức khoa học và công nghệ để tạo thành công nghệ, sản phẩm và dịch vụ mới phục vụ phát triển kinh tế xã hội. Trong đó, các viện nghiên cứu, trường đại học là nòng cốt sản sinh ra và chuyển giao tri thức khoa học và công nghệ, nhân lực chất lượng cao cho các doanh nghiệp. Các định chế hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo quốc gia như sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, tài chính, ngân hàng, các tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo quốc gia khác... và các cơ quan Nhà nước ở trung ương và địa phương có vai trò định hướng, điều phối, tạo môi trường thể chế, chính sách thuận lợi cho hoạt động hiệu quả của toàn hệ thống.

Ba là, việc xây dựng và hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách phát triển thị trường khoa học và công nghệ hướng tới phục vụ sản xuất kinh doanh, lấy doanh nghiệp làm trọng tâm, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích các chủ thể khoa học, người dân, doanh nghiệp tham gia nhiều hơn vào hoạt động nghiên cứu và phát triển khoa học và công nghệ đã và đang trở thành một trong vấn đề cấp bách trong đổi mới phương thức đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào phục vụ phát triển kinh tế nhanh và bền vững ở Việt Nam hiện nay.

Để giải quyết được vấn đề này, cần chú trọng xây dựng cơ chế, chính sách tạo động lực phát triển khoa học và công nghệ, thu hút nhân lực chất lượng cao và khơi thông nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đổi mới phương thức huy động, thu hút lực lượng nghiên cứu vào thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; cần có phương thức huy động phù hợp, phát huy tối đa nội lực, khai thác tiềm năng, năng lực nội sinh của đội ngũ hiện có trên cơ sở bồi dưỡng, trang bị những kiến thức cần thiết đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, triển khai thực hiện các sản phẩm của khoa học và công nghệ.

Giải quyết được những vấn đề đặt ra của quá trình đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào phục vụ phát triển kinh tế nhanh và bền vững ở Việt Nam hiện nay sẽ góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi những chỉ tiêu chủ yếu về đổi mới sáng tạo đến năm 2030 theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng đó là: duy trì xếp hạng về xếp hạng về chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu ASEAN; đẩy nhanh thành lập các trung tâm khởi nghiệp sáng tạo quốc gia, trước mắt tại Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh[7]; tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt 40%[8]; hoàn thành xây dựng chính phủ số; đứng trong nhóm 50 quốc gia hàng đầu thế giới và xếp thứ ba trong khu vực ASEAN về chính phủ số, kinh tế số[9]; đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đạt 50%; Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân đạt trên 6,5%/năm[10]./.

(1) Theo: Tạp chí *Khoa học và Công nghệ Việt Nam,* https://vjol.info.vn/index.php/khcn/article/view/62231.

(2) Theo: *Kinh tế và Dự báo*- https://kinhte-vadubao.vn/thanh-lap-mang-luoi-doi-moi-sang-tao-viet-nam-tai-chau-au-quy-tu-tri-thuc-viet-tren-toan-cau-19733.html.

(3), (5), (6),(8), (9), (10) Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. CTQG - ST, Hà Nội, T.1, tr.102; tr.226; tr.226 - 227; tr.229; tr.225; tr.219.

(4), (7) Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. CTQG - ST, Hà Nội, T.2, tr.70, tr.134.